TÂM HỌC CỦA VƯƠNG DƯƠNG MINH VỚI ĐỜI SỐNG TINH THẦN XÃ HỘI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI - KHẢ NĂNG GIAO THOA VÀ PHÁT TRIỂN

LÊ HOÀNG NAM
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Nhận bài ngày 24/02/2025. Sửa chữa xong 28/02/2025. Duyệt đăng 04/3/2025.

Abstract

Spiritual life in Vietnam since "Doi Moi" has changed a lot in the direction of "progress, imbued with national identity". Vuong Duong Minh's Psychology is fully capable of interweaving, integrating and symbiosis, developing in the spiritual life of Vietnamese people from the aspects of ethics, politics, religion. This interweaving is an inevitable development in the current trend of economic integration and globalization. In the scope of this article, the author clarifies the influence of Confucianism, specifically Vuong Duong Minh's Psychology, on the spiritual fields of Vietnamese society today, especially the ability to adapt to create new cultural values of Vietnamese people.

Keywords: *Psychology, spiritual life, Vuong Duong Minh, Buddhism, ideology.*

1. Đặt vấn đề

Tâm học do Vương Dương Minh (1472-1529), người đất Dư Diêu, tỉnh Chiết Giang, nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà triết học văn hóa xuất sắc của Trung Hoa thời kỳ nhà Minh sáng lập. "Cuộc đời và sự nghiệp văn võ song toàn của Vương Minh ảnh hưởng sâu sắc đến triều đại ông sống cũng như các triều đại phong kiến sau này của Trung Quốc. Tư tưởng chính trị, giáo dục, đặc biệt là tư tưởng triết học của ông ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tinh thần các nước Đông Bắc Á như Triều Tiên, Nhật Bản và ảnh hưởng đến cả các nước Đông Nam Á như Việt Nam. Học thuyết của ông –có xuất phát điểm từ Tâm. Từ Tâm đi đến Lương tri, được coi là cơ sở của Vương học. Từ đây, ông luận giải về Tri hành hợp nhất và hoàn thành hoc thuyết của mình ở Trí lương Tri. Những phạm trù trong học thuyết của ông gồm: Tâm, Cách vật, Cùng lý, Bác văn, Duy tinh, Minh thiện, Thân dân...[8]. Vương Minh quan niệm rằng tâm của ta vốn là toàn thể vũ trụ, nhưng con người thường bị che lấp. Ông nói: Đạo lấp đầy vũ trụ, chẳng ẩn trốn nơi nào. Ở trên trời gọi là Âm Dương, ở dưới đất gọi là mềm cứng, ở người gọi là nhân nghĩa. Cho nên nhân nghĩa là bản tâm của con người. Kẻ ngu và kẻ hư hỏng thì bất cập, bị vật dục che lấp mà đánh mất bản tâm. Kẻ hiền và kẻ trí thì thái quá, nên bị ý kiến che lấp mà đánh mất bản tâm của mình. Theo ông, Tống Nho luận về tâm, có Trương Tái xem ra bàn bạc xác thực hơn cả. Trong sách *Hoành cừ ngữ lục* có câu: "Tâm gồm cả tính tình vậy". Tóm lại, xét về mặt thế giới quan, thì Tâm học của Vương Dương Minh thuộc về lập trường duy tâm chủ quan. Ông đề cao nhân tố chủ quan trong nhận thức của con người. Tâm của ông chính là tư duy, ý thức của con người. Tâm là gốc của mọi vật, từ tâm mới có ý, tri, thân, vật. Nhận thức và cải tạo thế giới phải quay về với Tâm. Mặt nhận thức luận của ông vô cùng độc đáo và có tính thực hành cao khi ông nói cách vật đến "tri hành hợp nhất". Như tri thức nằm trong thực hành, trong thực hành phát sinh tri thức mới, đó là vòng khâu kép kín. Nguyên tắc nhận thức này là cơ sở cho chúng ta tìm ra và vận dụng tri thức đúng đắn trong thực tiễn, tránh lối học vẹt, học lý luận suông, giáo điều, sách vở, tầm chương, trích cú. Nhận thức luận của Vương Minh có thể là cơ sở lý luận

Email: lehoangnam.th@gmail.com

cho các phương pháp giáo dục hiện nay, giúp người học học bằng hành động, học bằng trải nghiệm. Khi cái khách quan phong phú, đa dạng, có mặt tích cực, hạn chế thì con người lại quay về cái Tâm của mình (cái Tâm này có cả trong vũ trụ, thuộc về quy luật của vũ trụ) để lấy nó làm phương hướng chỉ đạo hành động, điều chỉnh hành vi con người, đạt được "lương tri", luôn trong nguyên lý "tri hành hợp nhất" để quay về "trí lương tri". Đây cũng là phương châm sống, xử thế chính trị khôn khéo của người xưa.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát đặc điểm đời sống tinh thần xã hội Việt Nam hiện đại

Đặc trưng cơ bản biến đổi và xu hướng của lĩnh vực tinh thần xã hội Việt Nam hiện nay thể hiện:

2.1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng trong đời sống tinh thần, là kim chỉ nam làm nền tảng trong nhận thức và hành động, tiêu chí đánh giá phẩm chất con người và động lực sáng tạo giá trị văn hóa [2].

2.1.2. Truyền thống văn hóa dân tộc tiếp tục được phát huy và chi phối sâu sắc trong đời sống xã hội. Trong đó, bản sắc văn hóa ở Việt Nam hiện nay được xác định qua hệ giá trị của người Việt, đó là truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa... trong đó, chủ nghĩa yêu nước luôn là dòng tư tưởng chủ đạo xuyên suốt. Giáo sư Trần Văn Giàu: "Giỗ tổ Hùng Vương chẳng những là tục lệ của bản hạt, lễ nghi của nhà nước, mà còn là tiếng nói tâm tình, là nỗi lòng chung của tất cả "con Hồng cháu Lạc" [3].

2.1.3. Nhân sinh quan của các tôn giáo lớn cùng tín ngưỡng dân gian tiếp tục tác động sâu sắc đến đời sống tinh thần người Việt như Phật giáo, Ki tô giáo, Đạo giáo và đạo Hiếu. Hiện nay, cả nước có khoảng hơn 6 triệu tín đồ Phật giáo, Ki tô giáo chiếm hơn 5 triệu tín đồ, đạo Cao Đài có khoảng hơn 3 triệu tín đồ. Triết lý đạo đức nhân sinh của các tôn giáo chi phối khá lớn đến các quan hệ xã hội cũng như những phong tục, tập quán, lối sống ở mỗi vùng miền trên phạm vi cả nước.

2.1.4. Sự tiếp thu các trào lưu văn hóa, tư tưởng phương Tây và các tư tưởng, trào lưu của các nước đang phát triển trong quá trình hội nhập, thu hút vốn đầu tư nước ngoài đang ít nhiều ảnh hưởng đến đời sống đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật, giáo dục của xã hội Việt Nam hiện đại. Thí dụ như sự biến đổi của đạo Hiếu trong tác động của kinh tế thị trường hiện nay như việc gia tăng các hành vi phá vỡ các chuẩn mực đạo Hiếu trong gia đình, bỏ rơi ông bà cha mẹ, đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình.

2.2. Tâm học với các tôn giáo lớn ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Đối với Phật giáo Việt Nam

Tâm học hoàn toàn có khả năng giao thoa và phát triển về bản thể luận và nhận thức luận với Phật giáo ở Việt Nam. Điều này biểu hiện trong sự tương đồng trong bản thể luận, tư tưởng đạo đức, hành vi ứng xử đạo đức, giá trị nhân văn trong các quan hệ xã hội.

Phật giáo Việt Nam có lịch sử lâu đời, ngày nay, nói đến ảnh hưởng của Phật giáo chủ yếu là bàn đến ảnh hưởng của Phật giáo thiền Trúc Lâm trong đời sống tôn giáo của người Việt [4]. Đây là trường phái Phật giáo Việt Nam điển hình. Phật giáo Thiền Trúc Lâm quan niệm "Phật tại Tâm" nghĩa là Phật trong tâm con người, "không cần tìm kiếm đâu xa, Tâm chính là Phật, Phật chính là Tâm, muốn cầu giải thoát thì phải trở lại với đúng chính cái bản thể chân như ở trong lòng ta, chứ không thể vin vào hình thức trì giới hay nhờ vào các thế lực siêu nhiên bên ngoài như Phật, Bồ tát…Tu Phật nhằm mục đích cuối cùng là giải thoát – đạt đạo, nhưng không đối lập với cuộc sống thế tục. Chính vì vậy, triết lý "Phật tại Tâm" đã mở ra khả năng nhập thế tích cực" [1] trong đời sống tôn giáo khá phong phú hiện nay ở Việt Nam. Tín đồ Phật giáo chiếm số lượng đông đảo, niềm tin đạo đức tôn giáo hòa đồng với truyền thống đạo đức, tinh thần nhân văn của dân tộc, đặc biệt là hòa hợp với đạo Hiếu của người Việt. Chính sách của nhà nước khuyến khích sống "tốt đời, đẹp đạo". Do đó, "đạt đạo có nghĩa là phải hòa mình vào cuộc sống bình thường, không chấp danh- lợi, luôn hành động và suy nghĩ vì lợi ích chung. Tư tưởng này đã cổ vũ cho tinh thần: tu thiền phải gắn với đời sống thực tiễn; lý luận phải gắn với hành động… Bởi tu thiền không chỉ dừng lại ở việc trì giới, niệm Phật mà còn ở những hành động, lý tưởng cao cả nhằm giúp đời, giúp nước" [1]. Vì vậy, "thuyết tính Không có ý nghĩa như một sự thức tỉnh, giác ngộ.

Một khi thấy rõ được lý duyên khởi, vô thường, nắm vững quy luật sinh diệt, con người trở nên tự chủ, tự do, thức tỉnh và tịnh tấn, chuyển đổi bánh xe luân hồi về hướng chính pháp (bát chính đạo), thuyết tính Không giúp con người sống trọn với tư tưởng vô ngã - vị tha, "giúp con người nhận ra quy luật và giá trị cuộc sống, thuyết tính Không giúp con người sống có trách nhiệm hơn với cộng đồng [10].

Từ triết lý nhân sinh nói trên, có thể thấy đời sống đạo đức Phật giáo (chuẩn mực, hành vi đạo đức…) chi phối đến phong tục, tập quán là lĩnh vực dễ hòa nhập và phát triển cùng với Tâm học của Vương Dương Minh. Bởi lẽ, khi bàn về Tâm là bàn về cái ý thức, ông nói "chủ của thân ấy là Tâm", "phàm tri giác ở đâu thì Tâm ở đó" [5]. "Tâm phát ra một cái niệm thiện, mà chưa làm ra điều thiện đó, thời đâu đã gọi được là người thiện?"[5], thể hiện tính thực tiễn cao trong nhận thức và thực hành đạo đức cao. Hơn hết, cũng tương đồng với Phật giáo Việt Nam, tư tưởng của Vương Minh mang tính thực dụng, đạo đức hành động, lời nói đi đôi với việc làm, gắn với thực tiễn cuộc sống chứ không dừng lại ở suy nghĩ. Vương Dương Minh lấy Tâm là gốc, coi Tâm là Lý, đề cao tính, lý trí con người trong nhận thức, tương tự như phương pháp đốn ngộ, chân tâm của nhà Phật, nhưng có điểm khác biệt tính không phải tự nó, mà Tâm là Tính, Tâm, Tính, Trời là một, là cái tự nhiên chứ không phải Không của Phật giáo. Mặc dù vậy, điểm hòa hợp là quay trở về Tâm, tại Tâm. Quan niệm của người Việt chỉ cần đơn giản vậy, cho nên dân gian mới có câu: thứ nhất là tu tại gia, thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay đang tạo ra sự phát triển tích cực nhưng cũng tạo nên những mặt trái làm biến dạng, méo mó nhân cách con người thì việc chủ thể về với cái Tâm – ý thức chủ quan, theo trật tự tự nhiên rồi dùng cái tri thức, lý trí của mình mà điều khiển vật, có nghĩa là tự điều chỉnh, kiềm chế hành vi của bản thân mình, tránh dục vọng, tầm thường, tỉnh táo trong hành động có giá trị quan trọng. Đây là triết lý của cả Tâm học và Phật học đều khẳng định. Chính vì vậy, Vương Minh nói: "Đạo học cốt ở chỗ lương tri. Ngoài cái cốt lương tri, không còn có cái biết nào khác. Cho nên ngoài cái học trí lương tri cũng không có cái học nào khác" [5]. Do đó, sự tương đồng trong nguyên tắc nhận thức và hành động thực tiễn, tư tưởng nhập thế hành động là điểm tương đồng, dễ giao thoa, hòa nhập giữa Tâm học với Phật giáo Việt Nam hiện nay. Vương Minh cũng đã nói: hễ trong lòng ta đừng suy nghĩ sự gì xấu xa, nghĩa là bỏ được ác niệm, thế là thiện niệm, thiện niệm tức là bản thể của Tâm đấy. Cũng bàn về "vị trung chí phát", ông khẳng định cái cốt yếu ở chỗ "trung" , nơi động và tĩnh gặp nhau. Trong nhận thức, cần biết điểm trung, cân bằng tĩnh và động.

2.2.2. Đối với Nho giáo Việt Nam

Các triều đại phong kiến trong lịch sử Việt Nam coi Nho giáo là hệ tư tưởng quan trọng, là phương pháp trị nước, xây dựng bộ máy hành chính nhà nước và quản lý đời sống tinh thần của xã hội [9]. Nho giáo vào Việt Nam khá sớm, nhờ công lao của Sĩ Nhiếp, Tích Quang [6]. Nhờ có Nho giáo mà chữ viết và nền giáo dục của Việt Nam có điều kiện phát triển. Bước vào triều đại triều đại nhà Hồ, nhà hậu Lê, Nho giáo đã được vận dụng linh hoạt, đặc biệt là Tống Nho, kết hợp cùng Pháp gia trong quá trình xây dựng đất nước. Với các đặc điểm kể trên thì khả năng giao thoa của Tâm học trên các phương diện là hoàn toàn có khả năng, nhất là trong việc giải quyết các quan hệ xã hội, đạo đức người quân tử và tư tưởng thân dân. Vương Minh thể hiện tư duy biện chứng sâu sắc khi lấy Tâm làm gốc, là cơ sở cho các phương pháp xây dựng, củng cố mối quan hệ bền chặt giữa các tầng lớp trong xã hội, từ đó đưa ra các phương pháp cụ thể củng cố các mối quan hệ xã hội bền chặt luôn trên cơ sở lợi ích của dân. Theo ông, thân dân là sửa mình mà tìm đường thân yêu gần gũi dân. Như vậy, ông đã phát triển sâu sắc thêm Nho giáo (nhất là quan niệm của Mạnh Tử) về tư tưởng thân dân. Trong "Thân dân đường ký", Vương Minh quan niệm thân dân đi từ minh đức, minh đức là cái tính của trời phú cho con người. Minh đức thể hiện trong các mối quan hệ gia đình, rộng hơn là với xã hội, quốc gia, như vậy nghĩa là thân dân: "Nói về vua tôi, về chồng vợ, về bằng hữu, mà suy ra đến điểu thú cỏ cây, đều cũng là khá lấy để thân đó; đều cũng là khá lấy để cầu tận cái tâm của ta; khá lấy để tự minh cái minh đức của ta. Ấy cho nên nói rằng minh minh đức nơi thiên hạ, cho nên nói rằng tề gia, trị quốc, thiên hạ, bình dân phải xuất phát từ sự chí thiện, mà chí thiện do lương tri phát kiến, như vậy thì cội nguồn sâu xa của chí thiện là trong tâm của người"[5]. Ông cũng nói: Cho đến những đạo hiếu, lòng trung, tình yêu, tính tốt, và trăm nghìn cái danh từ đức tính kia khác ở đời này, cũng đều tự trong tâm phát ra, bởi tâm mà có. Như vậy, bản chất của Vương học

là sự phát triển Nho giáo theo một hướng mới, cho nên Minh học, Tâm học với Nho giáo có điểm tương đồng, dù là Nho giáo trong lịch sử hay Nho giáo ngày nay. Vì vậy, tư tưởng "lương tri", "minh thiện", "thân dân" của Vương Dương Minh hoàn toàn phù hợp với tư tưởng Nho giáo ở Việt Nam hiện nay, nhất là khi sử dụng trong quản lý nhà nước và hành xử trong quan hệ xã hội.

2.2.3. Đối với Đạo giáo

Đạo giáo ở Việt Nam gồm cả đạo giáo thần tiên và đạo giáo phù thủy, du nhập vào Việt Nam cùng với Nho giáo và Phật giáo. Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam thì Đạo giáo luôn xen lẫn với Phật giáo. Trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng người Việt hiện nay thì thờ thần, thờ tiên xu hướng chủ yếu. Ở đây, truyền thống uống nước nhớ nguồn luôn được sống lại – làm cho đời sống đạo đức sinh động hơn. Còn đạo giáo phù thủy thì ảnh hưởng chủ yếu trong các nghi lễ phong thủy, ma chay, giỗ chạp, dâng sao, giải hạn…Vì vậy, theo chúng tôi Tâm học cũng có thể hòa hợp với Đạo giáo ở Việt Nam trên phương diện nhận thức luận và phương pháp tu luyện để trở vè bản thể Tâm. Dương Minh định nghĩa rõ ràng thế này: Tâm không phải là một cục máu thịt. Phàm chỗ nào có tri giác, đấy tức là tâm. Như tai mắt biết thấy, biết nghe, chân tay biết đau biết ngứa, sự biết đó là tâm vậy. Đơn giản chúng ta có thể thấy Dương Minh đã định nghĩa tâm là các giác quan sẵn có của con người. Cái tâm đó nối suốt từ trời đất tới muôn nghìn sự vật, chẳng qua mỗi việc có địa vị khác, thành ra cái danh mới khác đó thôi. Lấy chỗ hình thể bao la mà nói thì gọi là trời. Lấy chỗ chúa tể sai khiến mà nói thi gọi là thượng đế, lấy chỗ nó lưu hành vận dụng thi gọi là mệnh, phú bẩm cho con người thì gọi là tính, làm chủ thân ta thì gọi lã tâm.Thế là chẳng những tâm với tính chỉ là một, mà cả với trời đất muôn vật củng chỉ là một vậy. Cho nên, ông khuyên người ta lo giữ lấy bản thể của tâm vì nếu nó bị bỏ mất thì cố chiêu phục trở lại. Quan niệm về Tâm, Tính thống nhất, theo quy luật tự nhiên, vốn sẵn có khá gần với quan niệm về đạo tự nhiên của Đạo giáo, mặc dù thế giới quan là đối lập nhau. Khác với Nho giáo ảnh hưởng chủ yếu trong đời sống chính trị, Đạo giáo ảnh hưởng nhiều trong đời sống tôn giáo nên theo chúng tôi, Đạo giáo ở Việt Nam hiện nay dễ tiếp thu Tâm học ở các phương pháp tu luyện để trở về với Tâm hơn cả.

2.3. Tâm học với các tôn giáo, tín ngưỡng và tư tưởng dân gian Việt Nam truyền thống

Ngoài các tôn giáo lớn, sự phát triển đời sống tinh thần ở Việt Nam hiện nay chịu sự chi phối sâu sắc của đời sống tín ngưỡng và và văn hóa dân gian truyền thống. Theo chúng tôi, khả năng giao thoa của Tâm học trong đời sống đạo đức xen kẽ đời sống tôn giáo, tín ngưỡng dân gian là hoàn toàn có thể.

Có thể kể đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt, tín ngưỡng thờ Thành Hoàng làng là biểu hiện cụ thể của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Ngày nay, trong gia đình người Việt nào cũng có bàn thờ cúng tổ tiên. Bàn về điều này, Tâm học có nêu: về lòng hiếu cũng vậy, nếu một người biết rằng hắn phải có hiếu với cha mẹ, thì hắn sẽ thuận theo sự phát triển tự nhiên của cái biết ấy, tức là thực hành đạo hiếu. Nhưng nếu hắn không thực hành đạo hiếu, tức là tâm của hắn bị tư dục che lấp. Tâm bị tư dục che lấp, tức là có lương tri mà không thể phát triển tột cùng lương tri, thế thì lương trì của hắn cũng không thổ hoàn thành. Do đó Vương Dương Minh nói: "Hành là kết quả của tri".

Trong nhận thức để rút ra những tri thức kinh nghiệm, các tác giả dân gian khá gần với tư tưởng "lương tri", "cách vật", ", cùng lý", được Tâm học đúc kết trong "tri hành hợp nhất". Tục ngữ Việt Nam quan niệm "học đôi với hành", "đi một ngày đàng học một sàng khôn", "có công mài sắt có ngày nên kim", "học một biết mười"…trong tư tưởng dân gian, tinh thần đề cao sự học, tri thức trong mọi lĩnh vực của đời sống thường ngày như trong sản xuất nông nghiệp và các quan hệ xã hội. Do đó, truyền thống hiếu học, trân trọng chức nghĩa, đề cao tri thức, văn hóa hoàn toàn dễ hòa nhập với các tư tưởng giáo hóa của Tâm học trong xã hội Việt Nam.

Khả năng giao thoa của Tâm học trong lối sống đạo đức, lối hành xử có văn hóa, đề cao con người của văn hóa Việt Nam truyền thống. Đó là lối sống đề cao đạo đức, đề cao cái Tâm. Dân gian mới có câu: "khẩu phật tâm xà". Trong Truyện Kiều Nguyễn Du viết: "chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài". Văn hóa dân gian Việt Nam đề cập nhiều đến cái Tâm của Phật trong các câu truyện cổ tích, truyền thuyết. Trong khi đó, Tâm học khẳng định Tu tâm là việc cốt yếu vun bón cái gốc cho người cầu học vậy. Một khi góc tâm vững vàng đầy đủ rồi, mình sẽ soi tỏ các sự vật là lẽ tự nhiên. Phải biết ở đời không có việc gì ra ngoài tâm con người ta

cho được, có họa tâm ấy bị che lấp không thấy đó thôi. Cho nên quá trình tu tâm được khái quát là: Tâm – Ý – Tri -Thân - Vật. Tục ngữ Việt nam cũng có câu: "Người là hoa của đất", có lẽ đó cũng là việc khẳng định đề cao cách cốt cách, sự tinh túy của vận vật kết tinh ở con người, trung tâm là cái Tâm của con người.

2.4. Tâm học với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam

Với vai trò là hệ tư tưởng chủ đạo, nền tảng cho đời sống tinh thần xã hội Việt Nam hiện nay, hệ tư tưởng Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là ngọn cờ trong công cuộc giải phóng dân tộc và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Theo chúng tôi, Tâm học có khả năng giao thoa với tư tưởng Hồ Chí Minh ở các giá trị nhân văn, hiện đại như: minh thiện, thân dân, quan niệm về giáo dục và triết lý hành động. Đó là khả năng ảnh hưởng trong đời sống chính trị, giáo dục với tư tưởng "Lấy dân làm gốc". Hồ Chí Minh khẳng định: Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Còn trong "Thân dân đường ký", Vương Minh quan niệm thân dân đi từ minh đức, minh đức là cái tính của trời phú cho con người. Minh đức thể hiện trong các mối quan hệ gia đình, rộng hơn là với xã hội, quốc gia, như vậy nghĩa là thân dân. Ở đây, tư tưởng gần dân, trọng dân, đề cao dân có sự thống nhất.

Vì vậy, khi bàn về bản chất người, Vương Minh có nói "cái Tâm biết thị phi, không lo nghĩ mà biết, không học tập mà hay, điều đó gọi là lương tri"[5]. "Lương tri nguyên là hoàn toàn. Hễ thị, thời nó nhận ra thị, hễ phi, thời nó nhận là phi. Thị, phi, chi cậy có lương tri mà biết, chẳng có khi nào chẳng đúng. Cái lương tri ấy, là minh sư của ta"[5]. Dương Minh bảo tại cái tâm của kẻ làm ác bỏ mất bản thể. Bản thể của tâm từ lúc trời mới phú bẩm cho mình vốn là tốt lành trong sạch, chỉ có thiên lý bên trong cốt nó rất thiện; nhưng sau tự mình đem nhối bao nhiêu nhân dục thấp hèn, nhơ bẩn xen vào, che lấp mất cả thiên lý, mới hóa ra ác. Cũng như những đám mây mù che khuất mặt trời mát sáng vậy. Hồ Chí Minh có khẳng định: Con người toàn diện là con người có cả đức và tài (vừa hồng, vừa chuyên) trong đó đức là gốc. Để con người phát triển toàn diện thì phải tu dưỡng, rèn luyện trong hoạt động thực tiễn, kết hợp giáo dục và tự giáo dục. Do đó, ở đây ta thấy khả năng hòa hợp trong đời sống chính trị của Tâm học với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, sự hòa hợp trong nguyên tắc, phương châm giáo dục học đi đôi với hành cũng là một đặc điểm quan trọng. Tâm học nói: "tri là bắt đầu của hành, hành là hoàn thành của tri" [5]. Vương Minh nói: "Lại như người biết đau, tất đã tự mình đau rồi mới biết đau; người biết rét, tất đã tự mình rét rồi mới biết rét; người biết đói, tất đã tự mình rồi mới biết đói; tri với hành chia thế nào ra làm hai được"[5]. Nhận thức và sự học ở đây theo nguyên tắc "tri hành hợp nhất". Hồ Chí Minh lại quan niệm: Lý luận mà không có thực tiễn là lý luận suông. Thực tiễn mà không có lý luận là thực tiễn mù quáng.

Trong sự học, Vương Minh khẳng định, "thi trượt không xấu hổ, thi trượt mà buồn mới là xấu hổ". Sự học trước hết phải lấy "cái chí làm thuyết" , tức việc học phải có mục tiêu cụ thể chứ không phải đọc kinh sách mà không để làm gì. Coi trọng mối quan hệ biện chứng giữa tri thức với thực tiễn, do đó quan niệm về việc học của tác giả khá gần với quan niệm "học đi đôi với hành". Quan niệm về phương pháp giáo dục nói chung và phương pháp giáo dục trẻ em của ông nói riêng coi trong bản tính bẩm sinh tự nhiên của đối tượng học, do đó sẽ đảm bảo được tính vừa sức của việc học cũng như phát huy được khả năng sáng tạo của chủ thể trong quá trình học, đảm bảo cân bằng về tâm lý cho người học. Theo Vương Minh: "Trẻ con chẳng khác nào cây cỏ mới mầm mống, để cho thư sướng thời nó sởn sơ, mà đè thúc thời nó cằn còi. Nay ta dạy trẻ con tất phải khiến cho chúng nó xu hướng về ca múa, để cho trong lòng chúng mừng đẹp; thời ắt chúng học sẽ tấn bộ không dừng" [5]. Trong khi đó Hồ Chí Minh viết: Trẻ em như búp trên cành.Biết ăn, ngủ, biết học hành là ngoan.

Như vậy, ở đây chúng ta thấy nhiều điểm tương đồng và khả năng hòa hợp của Tâm học với tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhận thức với tinh thần của chủ nghĩa Mác: nhận thức để cải tạo thế giới, cải biến xã hội, cải biến bản thân con người…

3. Kết luận

Nghiên cứu về Tâm học ở Việt Nam và sự giao thoa của Tâm học với các học thuyết tư tưởng khác

ở Việt Nam là hướng nghiên cứu khá mới. Đây cũng là cách để chúng ta tìm ra cội nguồn sự phát triển văn hóa khác nhau của các quốc gia, cũng là phương cách để chỉ ra tính thống nhất trong đa dạng của sự giao thoa văn hóa nhân loại. Việc nghiên cứu sự giao thoa văn hóa này góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế và sự hòa hợp giữa các quốc gia. Do đó, nghiên cứu ảnh hưởng của Tâm học với văn hóa Việt Nam cần phải được các học giả trong và ngoài nước quan tâm hơn nữa trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Lan Anh (2015), *Triết lý nhân sinh của thiền đại thừa thời Lý – Trần,* Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 8 (93).

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] Trần Văn Giàu (1999)**,** *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam* (tập 1, 2, 3), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[4] Nguyễn Duy Hinh (2006), *Triết học Phật giáo Việt Nam*, NXB Văn hóa-Thông tin - Viện Văn hóa.

[5] Phan Văn Hùm (2016), *Thân thế và học thuyết*, NXB Thế giới, Hà Nội.

[6] Trần Trọng Kim (2012), *Nho giáo,* NXB Thời đại, Hà Nội.

[7] Nguyễn Hiến Lê (2001), *Những cuộc đời ngoại hạng*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

[8] Lê Hoàng Nam (2017), *Những nét tương đồng giữa tư tưởng của Vương Dương Minh và Nguyễn Trãi trong quá trình giao thoa văn hóa Việt Nam với Trung Quốc,* Hội thảo quốc tế về Vương Minh học, Viện Khổng học, Trung Quốc, tr. 882.

[9] Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam* (tập 1, 2), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[10] Nguyễn Thị Thường (2015), *Thuyết tính Không trong triết học Phật giáo với việc tu dưỡng đạo đức con người Việt Nam,*Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 1 (86), tr. 35-36.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN...

Tiếp theo trang 13

4. Kết luận

Chương trình GDPT 2018 đã cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp HS làm chủ kiến thức phổ thông, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, có định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại. Ứng dụng CNTT đã đóng góp vào quá trình thực hiện tốt mục tiêu cấp THCS, hỗ trợ GV và HS trong tất cả các khâu của quá trình dạy học từ soạn bài giảng đến tổ chức dạy và học cùng kiểm tra, đánh giá. Ứng dụng CNTT không chỉ giúp nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn tạo điều kiện cho HS phát triển năng lực số, phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại. Việc ứng dụng CNTT trong dạy và học tại các trường THCS đòi hỏi mỗi GV phải có khả năng kết hợp 3 dạng cơ bản của kiến thức, đó là kiến thức bộ môn, kiến thức CNTT, kiến thức của một chuyên gia phương pháp dạy học. Do đó, các trường THCS cần tổ chức bồi dưỡng cho GV đều phải sử dụng CNTT trong quá trình dạy học; thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn, nhóm chuyên môn nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng CNTT cho GV; đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị để CNTT là phương tiện hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng dạy học; thường xuyên trao đổi, rút kinh nghiệm, cải tiến ứng dụng CNTT cho phù hợp với từng môn học.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Công văn số 4003/BGDĐT-CNTT, ngày 07/10/2020 về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Công nghệ thông tin năm học 2020-2021*.

[2] Harold J. Leavitt, Thomas L. Whisler (1958), *Management in the 1980's (Quản lý trong những năm 1980),* Harvard Business Review, No 11.

[3] Chính phủ (1993), *Nghị quyết số 49/CP, ngày 04/8/93 về phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 90*.

[4] Văn phòng Quốc hội (2017), *Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH, ngày 12/12/2017 về Luật Công nghệ thông tin.*

[5] Đào Thái Lai (2003), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường phổ thông Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học, mã số: B2003-49-42TĐ, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục.

[6] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGD ĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.